

Số: 59/2020/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 10 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Văn Thị Nhật L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Trương N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Văn Thị Nhật L và anh Trương N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Văn Thị Nhật L và anh Trương N công nhận vợ chồng có 01 người con chung tên là Trương Ngọc Nhã U, sinh ngày 23/10/2018. Chị L và anh N thoả thuận giao cháu U cho chị Văn Thị Nhật L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng: Anh Trương N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Anh Trương N có quyền đi lại, thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Văn Thị Nhật L có đơn yêu cầu thi hành án, anh Trương N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Văn Thị Nhật L và anh Trương N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Văn Thị Nhật L và anh Trương N thỏa thuận chị L chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001179 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị L được trả lại số tiền chênh lệch 150.000đ.

Anh Trương N chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- (ĐKKH ngày 28/5/2018);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu bản án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Thảo